TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/KDTM-PT Ngày: 06 - 12 - 2023 V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vận chuyển".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà* **Trần Thị Ngọc Thức** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Hợp đồng vận chuyển".*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 886/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ: Số D N, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Xuân L - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thiên L1 - chức vụ: Giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/4/2022.)

Người được ủy quyền lại: Anh Vũ Thanh H, sinh năm 1993. (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền ngày 19/12/2022)

Địa chỉ liên lạc: A T, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1.

Địa chỉ: Số C ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Thị H1 – chức vụ: Giám đốc (Xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần T, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần T là anh Vũ Thanh H trình bày:

Ngày 31/7/2020, Công ty Cổ phần T (viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH T1 (viết tắt là Công ty T1) giao kết Hợp đồng nguyên tắc vận chuyển hàng hóa số 2020/HW-07018. Nội dung hợp đồng quy định Công ty T1 đồng ý sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng hải cho Công ty T.

- Điều 3.5 hợp đồng quy định Công ty L2 tiền cước vận chuyển và chi phí liên quan (THC, phí chứng từ…) cho Công ty T trước khi một trong các điều kiện tín dụng bên dưới tới hạn:

+ Hạn mức tín dụng: 25.000 USD.

+ Thời gian tín dụng 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (đối với hàng hóa xuất khẩu).

- Điều 3.7 hợp đồng quy định: Trong mọi trường hợp bất khả kháng hoặc tranh chấp thương mại xảy ra sẽ không ảnh hưởng đến việc thanh toán tiền cước và chi phí liên quan.

Ngày 26/8/2021, Công ty T và Công ty T1 giao kết Phụ lục Hợp đồng nguyên tắc về vận chuyển hàng hóa 2020/HW-07018-PL2.1. Nội dung Phụ lục Hợp đồng gia hạn hiệu lực của Hợp đồng 2020/HW-07018 đến ngày 31/07/2022 hoặc cho đến khi có thông báo mới bằng văn bản của bên A hoặc bên B về việc chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng.

Từ ngày 08/06/2022 đến ngày 23/06/2022, Công ty T1 phát sinh số nợ 114.421.172 đồng với Công ty T, cụ thể như sau:

+ Số thứ tự: 1; Số hóa đơn 12730; Ngày hóa đơn: 08/06/2022; Số tiền: 67.370.325đ.

+ Số thứ tự: 2; Số hóa đơn 14330; Ngày hóa đơn: 23/06/2022; Số tiền: 40.915.000đ.

+ Số thứ tự: 3; Số hóa đơn 14331; Ngày hóa đơn: 23/06/2022; Số tiền: 6.135.847đ. Tổng cộng: 114.421.172 đồng.

- Ngày 18/8/2022 Công ty T đã gửi Email yêu cầu Công ty L2 công nợ, Công ty T1 có Email hồi đáp, xin được gia hạn việc thanh toán.

- Ngày 09/9/2022 Công ty L2 cho Công ty T số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 12/10/2022 Công ty L2 cho Công ty T số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 19/10/2022 Công ty L2 cho Công ty T số tiền 14.000.000 đồng.

Số tiền còn lại mà Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty T là 30.421.172 đồng.

Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn theo quy định tại Hợp đồng 2020/HW-07018, nhưng Công ty T1 vẫn không thanh toán khoản công nợ trên mặc dù Công ty T đã nhiều lần yêu cầu.

Nay Công ty Cổ phần T yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán số tiền 30.421.172 đồng cho Công ty Cổ phần T một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Và yêu cầu Công ty TNHH L2 tiền lãi do việc chậm thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 1.1875%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 20/10/2022 cho đến khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền lãi tạm tính từ ngày 20/10/2022 đến 20/12/2022 là 02 tháng (30.421.172 đồng x 1.1875% x 02 tháng) là 722.502 đồng. Tổng cộng: 31.143.674 đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T1 - đại diện theo pháp luật là bà Phùng Thị H1 vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh H người đại diện theo ủy quyền của Công ty T trình bày: Công ty T yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty T số tiền 30.421.172 đồng tiền cước vận chuyển hàng hóa và tiền lãi do việc chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong số nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng là 1,27%/tháng (tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 20/10/2022 cho đến ngày xét xử 27/7/2023), tính tròn 09 tháng với số tiền là 3.477.139 đồng. Tổng cộng: 33.898.000 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều

306 Luật thương mại; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T: Buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần T số tiền cước vận chuyển là 30.421.172 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 3.477.000 đồng (tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 20/10/2022 đến ngày 27/7/2023). Tổng cộng 33.898.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/8/2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T1 là bà Phùng Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn xin vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH T1 có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) thanh toán số tiền cước vận chuyển hàng hóa với số tiền là 30.421.172 đồng và yêu cầu Công ty L2 tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng là 1,27%/tháng từ ngày 20/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 09 tháng với số tiền là 3.477.139 đồng. Tổng cộng là 33.898.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của Công ty T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ngày 31/7/2020 Công ty Cổ phần T và Công ty TNHH T1 ký kết hợp đồng nguyên tắc vận chuyển hàng hóa số 2020/HW-07018. Nội dung hợp đồng quy định Công ty Cổ phần T vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng hải cho Công ty TNHH T1. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày ký cho đến ngày 31/7/2021 hay khi có thông báo mới bằng văn bản của bên A hoặc bên B về việc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

Tại Khoản 3.5 và Khoản 3.7 Điều 3 của hợp đồng có quy định:

Khoản 3.5: Công ty TNHH L2 tiền cước vận chuyển và các chi phí liên quan (THC, phí chứng từ…) cho bên B trước khi một trong các điều kiện tín dụng bên dưới tới hạn:

- Hạn mức tín dụng 25.000 USD (hai mươi lăm ngàn đô la Mỹ).

- Thời hạn tín dụng: 30 ngày kể từ ngày phát hóa đơn (đối với hàng hóa xuất khẩu).

- Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển và các chi phí liên quan (THC, phí chứng từ…) cho bên B trước khi nhận vận đơn hay điện giao hàng (đối với hàng hóa nhập khẩu).

Khoản 3.7: Trong mọi trường hợp bất khả kháng hoặc tranh chấp thương mại xảy ra sẽ không ảnh hưởng đến việc thanh toán tiền cước và chi phí liên quan.

Ngày 26/8/2021, Công ty T và Công ty T1 ký kết Phụ lục Hợp đồng nguyên tắc về vận chuyển hàng hóa 2020/HW-07018-PL2.1 Nội dung Phụ lục Hợp đồng gia hạn hiệu lực của Hợp đồng 2020/HW-07018 đến ngày 31/7/2022 hoặc khi có thông báo mới bằng văn bản của bên A hoặc bên B về việc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, từ ngày 08/6/2022 đến ngày 23/6/2022 Công ty T xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng vận chuyển hàng hóa cho Công ty T1 với số tiền là 172.386.647đồng, cụ thể như sau:

Hóa đơn số 12730, ngày 08/6/2022 với số tiền là 125.355.800 đồng.

Hóa đơn số 14330, ngày 23/6/2022 với số tiền là 40.915.000 đồng.

Hóa đơn số 14331, ngày 23/6/2022 với số tiền là 6.135.847 đồng.

Ngày 16/7/2022 Công ty T1 chuyển khoản số tiền 57.965.475 đồng đến tài khoản số 0181000276710 của Công ty T với nội dung "Cong ty T2 thanh toan bill SGN 200666400 – Cong ty co phan toc do".

Ngày 18/8/2022, Công ty cổ phần T đã gửi email yêu cầu Công ty L2 công nợ. Công ty T1 có email hồi đáp, xin gia hạn việc thanh toán.

Từ ngày 20/9/2022 đến ngày 05/10/2022 Công ty T 03 lần gửi văn bản cho Công ty T1 yêu cầu thanh toán công nợ quá hạn.

Từ ngày 09/9/2022 đến ngày 19/10/2022 Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty T được tổng số tiền là 84.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 09/9/2022 Công ty T1 chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 0181000276710 của Công ty T với nội dung "Cong ty T2 thanh toan cuoc tau cong ty co phan toc do".

- Ngày 12/10/2022 Công ty T1 chuyển khoản số tiền 20.000.000đồng đến tài khoản Công ty T với nội dung "Cong ty T2 thanh toan tien cuoc tau cho cong ty co phan toc do".

- Ngày 19/10/2022 Công ty T1 chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng đến tài khoản Công ty T với nội dung "Cong ty T2 thanh toan tien cuoc tau cho cong ty co phan toc do".

Như vậy, đối với 03 hóa đơn trên Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty T được tổng số tiền là 141.965.475 đồng và hiện còn nợ lại là 30.421.172 đồng.

Căn cứ vào khoản 3.5 Điều 3 của Hợp đồng số 2020/HW-07018 ngày 31/7/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 2020/HW-07018-PL2.1 ngày 26/8/2021 thì Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty T buộc Công ty L2 số tiền 30.412.172đồng là có cơ sở và phù hợp.

[3.2] Về tính lãi chậm trả, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại để tính lãi và áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng (Ngân hàng N, Ngân hàng TMCP N1, Ngân hàng TMCP C) là 15,25%/năm (1,27%/tháng) và thời gian tính lãi từ ngày 20/10/2022 đến ngày xét

xử sơ thẩm của số tiền 30.412.172đồng với số tiền lãi là 3.477.139 đồng là có căn cứ và phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty T1 là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Công ty T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 308, khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Điểm a khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần T tiền cước vận chuyển là 30.421.172đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 3.477.139đồng. Tổng cộng là 33.898.311đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Công ty TNHH T1 phải chịu 3.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty TNHH T1 đã nộp 2.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024231 ngày 06/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, xem như nộp xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

H2 lại cho Công ty cổ phần T 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023346 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố MT, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thành phố MT, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyết Linh